

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 354 /YDHP-YHCT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2025

V/v mời báo giá thuốc

Y học cổ truyền 2025

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội;
Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012; Luật ngân sách nhà nước số
83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà
thầu; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá; Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một
số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ nhu cầu của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đề nghị **Quý Công ty** gửi báo giá trọn
gói (đã bao gồm đầy đủ các chi phí) thuốc Y học cổ truyền năm 2025 cho Trường
Đại học Y Dược Hải Phòng theo Danh mục chi tiết đính kèm.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở để lập dự toán kinh phí, giá gói thầu

Thời điểm gửi báo giá chậm nhất: Trước 17h00 ngày 25/04/2025;

Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt (theo phụ lục đính kèm);

Địa điểm nhận báo giá: Văn phòng khoa Y học cổ truyền.

Địa chỉ: Tầng 5, Nhà B, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, số 72A
Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải
Phòng.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, khoa YHCT, phòng VTTTB



PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

DANH MỤC THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN NĂM 2025

(Kèm theo công văn số 357/YDHP-YHCT ngày 15/04 /2025)

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Ma hoàng	Kg	0.8	
2	Quế chi	Kg	0.8	
3	Kinh giới	Kg	1.2	
4	Tế tân	Kg	0.8	
5	Tía tô	Kg	0.4	
6	Bạch chỉ	Kg	0.6	
7	Cát căn	Kg	0.4	
8	Bạc hà	Kg	0.8	
9	Cúc hoa	Kg	0.6	
10	Tang diệp	Kg	0.60	
11	Sài hồ	Kg	1.6	
12	Thăng ma	Kg	0.6	
13	Hy thiêm thảo	Kg	0.4	

14	Tang kí sinh	Kg	0.8	
15	Thiên niên kiện	Kg	0.4	
16	Thỏ phục linh	Kg	0.4	
17	Dây đau xương	Kg	0.4	
18	Ké đầu ngựa	Kg	0.4	
19	Ngũ gia bì	Kg	0.4	
20	Khuong hoạt	Kg	0.8	
21	Độc hoạt	Kg	0.6	
22	Tần giao	Kg	0.6	
23	Thương truật	Kg	0.8	
24	Phòng phong	Kg	1.2	
25	Thạch cao	Kg	1.3	
26	Thảo quyết minh	Kg	0.4	
27	Tri mẫu	Kg	0.6	
28	Sinh địa	Kg	1.6	
29	Huyền sâm	Kg	1.4	
30	Mẫu đơn bì	Kg	0.4	
31	Rễ cỏ tranh	Kg	0.4	

32	Xích thước	Kg	0.7	
33	Kim ngân hoa	Kg	0.6	
34	Liên kiều	Kg	0.8	
35	Bồ công anh	Kg	0.4	
36	Xạ can	Kg	0.4	
37	Hoàng liên	Kg	0.5	
38	Hoàng bá	Kg	0.4	
39	Hoàng cầm	Kg	1.2	
40	Nhân trần	Kg	0.4	
41	Hương phụ	Kg	0.4	
42	Ô dược	Kg	0.4	
43	Sa nhân	Kg	0.6	
44	Trần bì	Kg	1.4	
45	Mộc hương	Kg	0.8	
46	Chỉ thực	Kg	0.6	
47	Chỉ xác	Kg	0.8	
48	Hậu phác	Kg	1	
49	Đan sâm	Kg	0.6	

50	Xuyên khung	Kg	1.3	
51	Ích mẫu	Kg	0.4	
52	Ngưu tất	Kg	0.8	
53	Đào nhân	Kg	0.8	
54	Hồng hoa	Kg	0.3	
55	Viễn chí	Kg	0.8	
56	Lạc tiên	Kg	0.4	
57	Toan táo nhân	Kg	1.9	
58	Bá tử nhân	Kg	0.7	
59	Sa sâm	Kg	0.4	
60	Mạch môn	Kg	0.6	
61	Thiên môn	Kg	0.4	
62	Câu kỷ tử	Kg	0.4	
63	Bạch thược	Kg	1.3	
64	Câu tích	Kg	0.4	
65	Ba kích	Kg	0.4	
66	Cốt toái bổ	Kg	0.4	
67	Tục đoạn	Kg	0.4	

68	Phá cổ chỉ	Kg	0.4	
69	Thỏ ty tử	Kg	0.4	
70	Đỗ trọng	Kg	0.6	
71	Ích trí nhân	Kg	0.4	
72	Thục địa	Kg	1	
73	Hà thủ ô	Kg	0.4	
74	Đương quy	Kg	2.05	
75	Kê huyết đằng	Kg	0.4	
76	Đẳng sâm	Kg	1.75	
77	Hoài sơn	Kg	0.6	
78	Bạch truật	Kg	0.4	
79	Chích kỳ	Kg	1.4	
80	Sinh kỳ	Kg	0.8	
81	Cam thảo	Kg	4.6	
82	Đại táo	Kg	0.6	
83	Thạch quyết minh	Kg	0.2	
84	Quy bản	Kg	1	
85	Đại phúc bì	Kg	0.2	

86	Trạch tả	Kg	0.2	
87	Sơn thù	Kg	0.4	
88	Liên nhục	Kg	0.4	
89	Tỳ giải	Kg	0.2	
90	Khuông hoàng	Kg	0.4	
91	Bạch biển đậu	Kg	0.4	
92	Bối mẫu	Kg	0.2	
93	Ý dĩ	Kg	0.4	
94	Bán hạ	Kg	0.6	
95	Tô tử	Kg	0.2	
96	Bạch giới tử	Kg	0.2	
97	Cát cánh	Kg	1.4	
98	Bách bộ	Kg	0.2	
99	Hạnh nhân	Kg	0.6	
100	Tang bạch bì	Kg	0.2	
101	Xa tiền tử	Kg	0.4	
102	Đinh hương	Kg	0.2	
103	Đại hồi	Kg	0.2	

104	Can khương	Kg	0.4	
105	Hắc phụ tử	Kg	0.4	
106	Thảo quả	Kg	0.2	
107	Hoắc hương	Kg	0.6	
108	Quế nhục	Kg	0.2	
109	Chi tử	Kg	0.2	
110	Long đởm thảo	Kg	0.2	
111	Mộc thông	Kg	0.2	
112	Kim tiền thảo	Kg	0.2	
113	Bạch linh	Kg	1.8	
114	Thông thảo	Kg	0.2	
115	Phục thần	Kg	0.2	
116	Câu đằng	Kg	0.2	
117	Bạch tật lê	Kg	0.2	
118	Thiên ma	Kg	0.6	
119	Phù bình	Kg	0.4	
120	Tang chi	Kg	0.4	
121	Uy linh tiên	Kg	0.2	

122	Cối xay	Kg	0.2	
123	Hạ khô thảo	Kg	0.4	
124	Địa cốt bì	Kg	0.6	
125	Sài đất	Kg	0.4	
126	Khổ sâm	Kg	0.4	
127	Long nhãn	Kg	0.9	
128	Tâm sen	Kg	0.4	
129	Đại hoàng	Kg	0.6	
130	Ma nhân	Kg	0.2	
131	Tân di	Kg	0.2	
132	Mạn kinh tử	Kg	0.2	
133	Ngưu bàng tử	Kg	0.2	
134	Mộc qua	Kg	0.2	
135	Trạch tả	Kg	0.2	
136	Đẳng tâm thảo	Kg	0.2	
137	Hoạt thạch	Kg	0.6	
138	Lô căn	Kg	0.4	
139	Hà diệp	Kg	0.2	

140	Hương nhu	Kg	0.2	
141	Tạo giác thích	Kg	0.2	
142	La bạch tử	Kg	0.2	
143	Qua lâu nhân	Kg	0.2	
144	Tiền hồ	Kg	0.4	
145	Bạch quả	Kg	0.2	
146	Tỳ bà diệp	Kg	0.2	
147	Ngũ vị tử	Kg	0.2	
148	Mẫu lệ	Kg	0.2	
149	Kim anh tử	Kg	0.2	
150	Khiêm thực	Kg	0.2	
151	Ngũ vị tử	Kg	0.4	
152	Kha tử	Kg	0.2	
153	Nhục đậu khấu	Kg	0.2	
154	Mạch nha	Kg	0.2	
155	Son tra	Kg	0.2	
156	Kê nội kim	Kg	0.2	
157	Thần khúc	Kg	0.2	

158	Thanh bì	Kg	0.2	
159	Lệ chi hạch	Kg	0.2	
160	Thị đế	Kg	0.2	
161	Thạch xương bồ	Kg	0.2	
162	Uất kim	Kg	0.4	
163	Nga truật	Kg	0.2	
164	Nhũ hương	Kg	0.2	
165	Một dược	Kg	0.2	
166	Huyền hồ	Kg	0.2	
167	Tô mộc	Kg	0.2	
168	Tam thất	Kg	0.2	
169	Trắc bách diệp	Kg	0.2	
170	Hồ hoa	Kg	0.2	
171	A giao	Kg	0.2	
172	Ô tặc cốt	Kg	0.2	
173	Đinh hương	Kg	0.2	
174	Ngô thù du	Kg	0.2	
175	Ngải cứu	Kg	0.2	

176	Xuyên tiêu	Kg	0.2	
177	Ngải tởng	Kg	0.2	
178	Thạch hộc	Kg	0.2	
179	Ngọc trúc	Kg	0.2	
180	Nhân sâm	Kg	0.5	
181	Viễn chí (sống)	Kg	2	
182	Nhục thung dung	Kg	0.6	
	Tổng	Kg	77.05	

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai